

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư

Bà Nguyễn Thị Biên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Mạnh – Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 81/2024/HSST ngày 17 tháng 4 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hoàng Đức L**, sinh năm 1989 (Tên gọi khác: không)

Nơi ĐKKHKT: **Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang**

Nơi tạm trú: **Tổ dân phố M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang**

Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Con ông: **Hoàng Văn G**, sinh năm: 1953; Con bà: **Trịnh Thị V**, sinh năm: 1952. Bị cáo có 03 chị em, bị cáo là thứ ba. Vợ: **Đặng Thị P**, sinh năm: 1992 (đã ly hôn tháng 4 năm 2014). Con: có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm: 2017. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/01/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam **công an tỉnh B**, bị cáo có mặt phiên tòa.

* Bị hại:

1. Chị **Hà Thúy H** – Sinh năm: 2000. Địa chỉ: **Thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang** (Vắng mặt)

2. Chị **Nguyễn Tú A** - Sinh năm: 1998. Địa chỉ: **Số G, đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang** (Vắng mặt)

3. Anh **Phạm Văn H1** - Sinh năm: 1993. Địa chỉ: **Số nhà B, đường N, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang** (Có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Trần Văn N**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: **Thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh** (Vắng mặt)

2. Anh **Thân Văn Đ** – Sinh năm: 1985. Địa chỉ: **Tổ dân phố M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang** (vắng mặt)

3. Anh **Phạm Minh T** - sinh năm: 2000. Địa chỉ: **Thôn Á, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang** (vắng mặt)

4. Ông **Tạ Quang K** – Sinh năm: 1962. Địa chỉ: **Khu C, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh** (vắng mặt)

5. Anh **Phùng Văn K1** – Sinh năm: 2001. Địa chỉ: **Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang** (vắng mặt)

6. Ông **Thân Đức P1** – Sinh năm: 1960. Địa chỉ: **thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang** (vắng mặt)

7. Ông **Trương Văn V1** – Sinh năm: 1978. Địa chỉ: **Tổ dân phố P, Thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang** (vắng mặt)

* Người làm chứng: Chị **Phạm Thị L1** – Sinh năm: 1986. Địa chỉ: **Thôn N, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang** (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Đức L, sinh năm 1989, trú tại **tổ dân phố P, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang** thuê trọ tại gia đình chị **Nguyễn Thị H2** ở **tổ dân phố M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang**. Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 28/12/2023, **L** đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản; 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn **thành phố B** và 01 vụ sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, cụ thể như sau:

1. Hành vi trộm cắp tài sản; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

Khoảng 10 giờ ngày 01/10/2023, **Hoàng Đức L** đi xe buýt từ phòng trọ đến **thành phố B** mục đích để trộm cắp tài sản. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, **L** đi bộ đến **cửa hàng Đ3 ở số A, đường N, phường T, thành phố B** thì nhìn thấy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode màu xám, biển số 98B3-927.14 để trên vỉa hè trước cửa hàng. Đây là xe của chị **Hà Thúy H**, sinh năm 2000, trú tại **thôn T, xã D, thành phố B**. **L** đi đến gần quan sát thì thấy chìa khoá điện treo ở móc treo đồ của xe, xung quanh không có ai trông coi. **L** lấy chìa khoá điện cắm vào ổ khoá ngòi lên xe, lùi xe xuống đường rồi đề nổ máy, điều khiển xe đi về phòng trọ. Trên đường đi, **L** dừng lại tháo biển số 98B3 - 927.14 cất vào trong cốp xe. Khi về đến phòng trọ, **L** kiểm tra trong cốp xe thấy có 01 tờ giấy thông báo về quyền riêng tư, họ tên chủ xe là **Hà Thúy H**. **L** để tờ thông báo này và chiếc biển số 98B3-927.14 ở phòng trọ rồi sử dụng xe làm phương tiện đi lại.

Do không có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô nên **L** nảy sinh ý định đặt làm giả đăng ký xe để bán được nhiều tiền hơn. Theo **L** khai trước đó có nhặt được

01 bản photo căn cước công dân số 027089013160 cấp ngày 01/9/2021 mang tên **Nguyễn Tiến H3**, sinh năm 1989, trú tại **xã Đ, huyện S, tỉnh Bắc Giang** nên **L** nảy sinh ý định đặt làm giả đăng ký xe theo họ tên, năm sinh, địa chỉ của anh **H3**, số khung, số máy trùng với xe trộm cắp và tự nghĩ ra biển số xe là 98L1-112.79. Ngày 06/10/2023, **L** xem mạng xã hội Facebook và đặt mua của một người không quen biết 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô giả có ghi các thông tin trên với giá 600.000 đồng và 01 biển số 98L1-112.79 với giá 200.000 đồng. Ngày 10/10/2023, **L** nhận được đăng ký xe giả số 98006631 mang tên **Nguyễn Tiến H3** do **Công an huyện S**, Bắc Giang cấp ngày 15/7/2023 đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode có biển số 98L1-112.79 và 01 biển số 98L1-112.79 đã đặt mua do shipper chuyển đến. Lộc kiểm tra đăng ký xe thấy không ghi năm sinh của anh **H3** nên yêu cầu người bán làm lại đăng ký giả ghi đầy đủ thông tin. Ngày 12/10/2023, **L** nhận được đăng ký xe mô tô giả thứ 2 có ghi đầy đủ thông tin theo yêu cầu. **L** lắp biển số giả 98L1-112.79 vào xe máy trộm cắp và cất giấu giấy chứng nhận đăng ký không có năm sinh ở phòng trọ.

Ngày 16/10/2023, **L** điều khiển xe mô tô Honda SH Mode, gắn biển số 98L1-112.79 đến cửa hàng mua bán xe máy của anh **Trần Văn N**, sinh năm 1988 ở **thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Ninh** đặt vấn đề cầm cố. **L** đưa cho anh **N** xem căn cước công dân của **L**, bản photo căn cước công dân mang tên **Nguyễn Tiến H3**, đăng ký xe mô tô giả số 98006631 mang tên **Nguyễn Tiến H3**. **L** nói với anh **N** xe do **L** mua của anh **H3** nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Anh **N** dùng điện thoại chụp ảnh lại chiếc xe, các giấy tờ trên và đồng ý nhận cầm cố với giá 35.000.000 đồng. Anh **N** đưa cho **L** 02 tờ “hợp đồng cầm cố kiêm khế ước” theo mẫu in sẵn. **L** viết vào hợp đồng nội dung cầm cố chiếc xe mô tô Honda SH Mode, biển số 98L1-112.79 với giá 35.000.000 đồng, thời hạn đến ngày 21/10/2023, rồi ký xác nhận vào mục người nhận tiền. **L** giao cho anh **N** chiếc xe mô tô, đăng ký xe giả, bản photo căn cước **Nguyễn Tiến H3**, hợp đồng cầm cố và được anh **N** đưa cho 01 bản hợp đồng in giấy than cùng số tiền 35.000.000 đồng. **L** mang bản hợp đồng về cất ở phòng trọ và chi tiêu hết số tiền trên. Sau khi hết thời hạn cầm cố, **L** không đến chuộc xe, anh **N** đã bán chiếc xe mô tô này cùng đăng ký xe cho người không quen biết nên không thu hồi được.

Ngày 02/01/2024, chị **Hà Thúy H** có đơn trình báo và giao nộp: 01 file video được trích xuất từ camera của **cửa hàng Đ3** và 01 bản photo giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy BKS 98B3-927.14 mang tên **Hà Thúy H**. Cơ quan điều tra đã cho **L** quan sát file video trên. Kết quả **L** xác định có hình ảnh **L** mặc áo khoác màu vàng, quần vải màu đen, đội mũ bảo hiểm màu vàng thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe máy.

Ngày 03/01/2024, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của **L** tại **tổ dân phố M, phường N, thị xã V** thu giữ: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 98006631 mang tên **Nguyễn Tiến H3** do **Công an huyện S**, Bắc Giang cấp ngày 15/7/2023 đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển số 98L1-112.79; 01 Hợp đồng cầm đồ, kiêm khế ước đề “Cửa hàng mua bán- ký gửi- ô tô – xe máy, địa chỉ **Thôn Đ -H- T- Bắc Ninh**”; 01 “Thông báo về quyền riêng tư” họ tên chủ xe **Hà Thúy H**, sinh ngày 13/12/2000, đóng dấu cửa hàng bán xe và dịch vụ do **H4** ủy

nhiệm; 01 bản photo căn cước công dân mang tên **Nguyễn Tiến H3** số 027089013160 cấp ngày 01/9/2021.

Kết luận định giá tài sản số 08 ngày 09/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **thành phố B** kết luận: “01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, màu sơn xám – đen, biển số 98B3-927.14, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu 21/9/2023, có trị giá tại thời điểm ngày 01/10/2023 là 62.000.000 đồng”.

Ngày 07/01/2024, Cơ quan điều tra cho **L** xác định hiện trường và thực nghiệm điều tra. Kết quả **L** xác định vị trí trộm cắp xe mô tô tại vỉa hè trước cửa **số nhà A, đường N, phường T, thành phố B** và thực hiện tuân thủ hành vi trộm cắp chiếc xe máy trong thời gian 07 giây.

Ngày 08/01/2024, anh **Trần Văn N** giao nộp: Ảnh chụp đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 98L1-112.79 mang tên **Nguyễn Tiến H3**, sinh năm 1989, địa chỉ: **Đ, S, Bắc Giang**; Ảnh chụp bản photo căn cước công dân mang tên **Nguyễn Tiến H3**; Ảnh chụp căn cước công dân của **Hoàng Đức L**; Ảnh chụp xe máy biển số 98L1-112.79. Cơ quan điều tra đã cho **L** quan sát những hình ảnh trên, kết quả **L** xác định là hình ảnh chiếc xe mô tô và các giấy tờ mà **L** đã đưa cho anh **N** khi nhận cầm cố và chụp lại vào ngày 16/10/2023.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của **Hoàng Đức L** trên “Hợp đồng cầm đồ kiêm khế ước” và trưng cầu giám định giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 98006631 mang tên **Nguyễn Tiến H3** đã thu giữ tại phòng trọ của **L** khi khám xét.

Kết luận giám định số 643 ngày 25/3/2024 của **Phòng K3 Công an tỉnh B** kết luận: “Chữ ký, chữ viết (dạng in qua giấy than) trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của **Hoàng Đức L** trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) **là của cùng một người**”.

Kết luận giám định số 192 ngày 22/01/2024 của **Phòng K3 Công an tỉnh B** kết luận:

“- Chữ ký mang tên Thượng tá **Trần Danh Đ1** trên “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số 98 006631, mang tên chủ xe **Nguyễn Tiến H3**, biển số đăng ký 98L1-112.79 là chữ ký trực tiếp.

- Phôi và hình dấu trên “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy” số 98 006631, mang tên chủ xe **Nguyễn Tiến H3**, biển số đăng ký 98L1-112.79 gửi giám định **là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu.**”

2. Hành vi trộm cắp tài sản ngày 20/12/2023:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/12/2023, **Hoàng Đức L** đi xe buýt từ phòng trọ đến **thành phố B** mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, **L** đi đến trước nhà **số G, đường Q, phường T, thành phố B** thì thấy trước cửa nhà có để 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 98B3-000.61 là tài sản của chị **Nguyễn Tú A**, sinh năm 1998. **L** quan sát thấy chìa khoá vẫn cắm ở ổ khoá xe, xung quanh không có ai trông coi, **L** dắt xe lùi xuống đường rồi ngồi lên xe đề nổ máy, điều khiển xe đi về phòng trọ. Trên đường đi, **L** tháo biển số

98B3 - 000.61 rồi vứt ở một bãi đất trống ven đường. Khi về đến phòng trọ, L lấy chiếc biển số 98B3-927.14 đã tháo ra từ xe của chị Hà Thúy H trước đó rồi lắp vào xe mô tô vừa trộm cắp để sử dụng đi lại.

Sáng ngày 03/01/2024, L đến quán I ở tổ dân phố M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang và gặp một thanh niên không quen biết cùng chơi điện tử tại quán. Khoảng 11 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô Honda Wave gắn biển số 98B3-927.14 đi cùng nam thanh niên trên đến cửa hàng cầm đồ Vượng Phát của anh Thân Văn Đ, sinh năm 1985 ở tổ dân phố M, phường N. L gặp anh Phạm Minh T, sinh năm 2000, trú tại thôn A, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang là nhân viên cửa hàng và đặt vấn đề muốn cầm cố chiếc xe trên. Anh T hỏi nguồn gốc xe thì L nói dối là xe của L nhưng để quên đăng ký xe ở nhà. Anh T chụp ảnh căn cước công dân của L và đồng ý nhận cầm cố xe với giá 3.600.000 đồng. Anh T gọi điện thông báo cho anh Đ là chủ cửa hàng để thanh toán tiền. Sau đó, anh Đ chuyển số tiền 3.600.000 đồng từ tài khoản số 091166668888 của anh Đ tại ngân hàng M đến số tài khoản 0731000742250 tại ngân hàng V3 của L. Số tiền có được L sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 03/01/2024, chị Nguyễn Tú A có đơn trình báo Công an thành phố B và giao nộp: 01 file video được trích xuất từ camera lắp đặt trước cửa số nhà G+80, đường Q, phường T, thành phố B ghi lại diễn biến sự việc. Cơ quan điều tra đã cho L quan sát file video trên, kết quả L xác định có hình ảnh L mặc áo khoác màu xanh, quần vải màu đen, đội mũ lưỡi trai màu trắng có hành vi trộm cắp chiếc xe máy.

Kết luận định giá tài sản số 09 ngày 09/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu sơn trắng-đen-bạc, biển số 98B3-000.61, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu 02/8/2017, có trị giá tại thời điểm ngày 20/12/2023 là 9.000.000 đồng.”

Ngày 07/01/2024, Cơ quan điều tra cho L xác định hiện trường và thực nghiệm điều tra. Kết quả L xác định đúng vị trí và thực hiện thuần thực hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô trong thời gian 05 giây.

Ngày 03/01/2024, anh Thân Văn Đ giao nộp: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave gắn biển số 98B3-927.14, số máy HC12E7329298, số khung RLHHC1250FY329249. Anh Phạm Minh T giao nộp 01 ảnh căn cước công dân mang tên Hoàng Đức L.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ngày 28/12/2023

Khoảng 08 giờ ngày 28/12/2023, Hoàng Đức L mặc áo sơ mi dài tay màu trắng, quần dài màu đen, đội mũ lưỡi trai màu trắng, đeo 01 chiếc túi bằng vải màu đen đi xe buýt từ phòng trọ đến thành phố B mục đích tìm cửa hàng mua bán xe máy để giả vờ hỏi mua xe, yêu cầu cho đi thử rồi sẽ chiếm đoạt xe. L nghĩ do không có tiền, không có người thân đi cùng thì chủ cửa hàng sẽ không cho đi thử xe nên nảy sinh ý định mua tiền âm phủ và thuê một người đóng giả là bố để đi mua xe cùng. L đi xe buýt đến chợ S, thị trấn P, huyện L mua 05 tập tiền âm phủ ghi mệnh giá 500.000 đồng cho vào 02 phong bì thư (01 phong bì để 04 tập tiền,

01 phong bì để 01 tập tiền) rồi lấy dây chun buộc bên ngoài, cất vào trong túi đeo trên người. Sau đó, L đi xe buýt đến thành phố B tìm người đóng giả làm bố. Khi L đi đến khu vực ngã tư đường L- K, thành phố B thì gặp ông Tạ Quang K, sinh năm 1962, trú tại khu C, phường V, thành phố B là lái xe ôm đang ngồi trên xe mô tô biển số 99G1-064.24 đợi khách. L thuê ông K chở đến thành phố B. Trên đường đi, L nói dối ông K là đang đi mua xe máy và nhờ ông K đóng giả làm bố của L, nếu ông K trả giá mua xe được rẻ hơn giá bán của cửa hàng thì L sẽ trả tiền công cho ông K là 500.000 đồng. Do không biết mục đích lừa đảo của L nên ông K nhận lời. Khi đến thành phố B, L và ông K đi vào một cửa hàng xe máy không rõ địa chỉ để hỏi mua xe, khi L đi thử xe thì chủ cửa hàng đi cùng nên L không chiếm đoạt được. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, L và ông K đi đến cửa hàng M1 ở số B, đường N, phường N, thành phố B do anh Phạm Văn H1, sinh năm 1993 làm chủ. Hai người đi vào trong cửa hàng thì được chị Phạm Thị L1 là chị gái anh H1 tư vấn, giới thiệu các loại xe. L giả vờ chọn mua chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 150i, màu sơn trắng-bạc-đen, biển kiểm soát 60B3-659.61 đã qua sử dụng nhưng không gắn biển số. Anh H1 thoả thuận bán chiếc xe này cho L với giá 82.000.000 đồng. L đề nghị cho đi thử xe thì anh Hoà đồng ý và dắt xe ra vỉa hè. L lấy chiếc túi đựng tiền âm phủ đeo bên người đưa cho ông K và nói “bố cầm cho con cái túi”. Ông K cầm chiếc túi và đeo vào người. Anh H1 tưởng ông K là bố của L và đoán trong chiếc túi có đựng tiền mua xe nên tin tưởng giao xe cho L đi thử một mình. L dắt xe xuống đường đề nổ máy, điều khiển xe đi về hướng đường Xương Giang, đi đến cây xăng trên đường H đổ xăng hết 50.000 đồng. Sau đó, L đi xe về nhà ở tổ dân phố P, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang để xe tại đây rồi đón xe buýt đi đến phòng trọ. Sau khi không thấy L quay về, anh Phạm Văn H1 yêu cầu ông Tạ Quang K gọi điện thoại cho L nhưng ông K nói không có số điện thoại của L. Ông K kiểm tra chiếc túi đeo thì phát hiện trong các phong bì đều là tiền âm phủ nên nói với anh H1 là bị lừa.

Hoàng Đức L quen biết Nguyễn Văn H5, sinh năm 2002 và Phùng Văn K1, sinh năm 2001 đều trú tại xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang khi đi chơi tại quán Internet. H5, K1 đến phòng trọ của L ở nhờ. Khoảng 15 giờ ngày 30/12/2023, L sợ mang xe đi cầm cố bị Công an phát hiện nên nói dối với H5, K1 là có một chiếc xe máy của cháu L, xe mới mua, chưa làm thủ tục sang tên nên không có biển số và nhờ đi cầm cố xe. H5, K1 tưởng thật nên giới thiệu với L đến nhà ông Thân Đức P1, sinh năm 1960 ở thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang để cầm cố. Sau đó, L đi xe buýt về nhà rồi đi xe mô tô Honda SH150i đến phòng trọ. H5 lấy chiếc biển số 98H1-392.77 lắp vào xe này. Khoảng 20 giờ cùng ngày, L điều khiển xe Honda SH150i, gắn biển số 98H1-392.77 chở H5 và K1 đến nhà ông P1. L đứng ngoài đợi còn H5, K1 mang xe vào trong nhà. K1 nói là xe của bạn nhờ cầm cố hộ thì ông P1 nhận cầm cố với giá 20.000.000 đồng và đưa cho K1 01 tờ giấy vay tiền theo mẫu in sẵn. K1 tự viết nội dung K1 gửi lại chiếc xe máy biển số 98H1-392.77 để vay 20.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày rồi ký xác nhận vào mục người vay, H5 ký xác nhận vào mục bên liên quan. Ông P1 đưa cho K1 20.000.000 đồng. K1 đi ra ngoài đưa cho L số tiền trên, L cho H5 và K1 mỗi người 500.000 đồng, còn lại sử dụng chi tiêu hết.

Khoảng 12 giờ ngày 01/01/2024, L lên mạng xã hội Facebook thấy có tài khoản đăng bài mua xe máy nên đã nhắn tin trao đổi bán xe với người này. Hai bên thỏa thuận mua bán chiếc xe Honda SH 150i, gắn biển số 98H1-392.77 với giá 27.500.000 đồng và hẹn giao dịch tại ngõ A, đường N, thành phố B. Người này cho L số điện thoại 0962.151.994 để liên lạc. Do không có đủ tiền chuộc xe nên khoảng 10 giờ ngày 02/01/2024, L gọi điện thoại cho ông Trương Văn V1, sinh năm 1978, trú tại tổ dân phố P, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang nhờ bỏ ra 20.000.000 đồng chuộc xe, sau đó sẽ trả công 1.000.000 đồng, ông V1 đồng ý. Khoảng 13 giờ cùng ngày, L nhờ một thanh niên không quen biết cùng chơi ở quán Internet chở đến nhà ông V1 thì gặp anh Trương Văn Đ2, sinh năm 2000 là con trai ông V1. L thuê taxi cùng ông V1, anh Đ2 đi đến tổ dân phố M, phường N, thị xã V đón H5, K1 rồi đi đến nhà ông P1. Trên đường đi, anh Đ2 đưa cho L 20.000.000 đồng. Khi đến nơi, ông V1 ngồi đợi trên xe taxi còn L cùng anh Đ2, H5, K1 đi vào gặp ông P1 xin chuộc lại xe. L đưa cho ông P1 20.000.000 đồng thì ông P1 trả lại chiếc xe Honda SH 150i, gắn biển số 98H1-392.77 và tờ giấy vay tiền mà K1 đã viết khi cầm cố. L đưa cho H5, K1 500.000 đồng để tự đi taxi về phòng trọ. L mượn chiếc điện thoại Iphone Xs Max, lắp sim số 0921.496.010 của anh Đ2 gọi đến số điện thoại 0962.151.994 của người mua xe và truy cập Zalo của anh Đ2 kết bạn với tài khoản tên “Cristiano Ronaldo” theo số điện thoại trên. L dùng điện thoại của anh Đ2 chụp ảnh chiếc xe rồi gửi cho tài khoản trên, người này đồng ý bảo L mang xe xuống Bắc Ninh và gửi vị trí cho L. Sau đó, L điều khiển xe máy Honda SH 150i, gắn biển số 98H1-392.77 chở anh Đ2 đi đến khu vực ngõ A, đường N, thành phố B, ông V1 ngồi trên xe taxi đi theo sau. Khi đến nơi, L dùng điện thoại của anh Đ2 gọi cho người mua xe thì người này bảo đứng đợi. Khoảng 05 phút sau, một nam thanh niên không quen biết điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Piaggio Liberty không rõ biển số đi đến và nói với L “xe đây à, chờ thằng ở Hà Nội lên mua”. Khoảng 15 phút sau có một thanh niên đi bộ đến xem xe, người này đồng ý mua và trả cho L 27.500.000 đồng. Quá trình giao dịch, anh Đ2 sử dụng điện thoại chụp lại hình ảnh L đứng cạnh chiếc xe nói chuyện với hai thanh niên trên. Sau khi bán xe xong, L lên xe taxi cùng anh Đ2, ông V1 đi về Bắc Giang. L trả cho anh Đ2 21.000.000 đồng, trả tiền taxi là 450.000 đồng. L cất tờ giấy vay tiền ở phòng trọ và chi tiêu hết số tiền còn lại.

Kết luận định giá tài sản số 10 ngày 09/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda, số loại SH 150I, màu sơn trắng-bạc-đen, biển số 60B3-659.61, đã qua sử dụng, đăng ký lần đầu 07/8/2019, có trị giá tại thời điểm ngày 28/12/2023 là 75.000.000 đồng.”

Ngày 03/01/2024, Cơ quan điều tra triệu tập Hoàng Đức L đến làm việc thì L xin đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội và giao nộp: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu HUAWEI, vỏ màu xanh tím than. Kiểm tra chiếc điện thoại trên nhưng không phát hiện liên quan đến vụ án.

Ông Tạ Quang K giao nộp: 01 điện thoại Samsung Galaxy A05 màu xanh, sim số 0972.800.712; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 99G1-064.24; 01 chiếc túi xách làm bằng vải màu đen bên trong có 05 tập giấy in hình tờ tiền

mệnh giá 500.000 đồng Ngân hàng địa phủ, đều được bọc bên ngoài bằng nilon màu trắng.

Anh **Trương Văn Đ2** giao nộp: 01 điện thoại Iphone XsMax lắp sim số 0921.496.010; 02 ảnh chụp bằng điện thoại của anh **Đ2** trong đó 01 ảnh chụp chiếc xe mô tô Honda SH150i màu trắng vào lúc 14 giờ 15 phút ngày 02/01/2024 và 01 ảnh chụp 03 nam thanh niên đang đứng xung quanh chiếc xe mô tô Honda SH150i màu trắng gắn biển số 98H1-392.77 vào lúc 15 giờ 42 phút ngày 02/01/2024. Kiểm tra điện thoại của anh **Đ2** thấy: Tại thư mục “Zalo” có nội dung tin nhắn trao đổi với tài khoản zalo “Cristiano Ronaldo” liên quan đến việc giao dịch mua bán chiếc xe mô tô Honda SH màu trắng; tại thư mục “Điện thoại” có các cuộc gọi với số 0962.151.994 vào ngày 02/01/2024.

Ngày 04/01/2024, anh **Phạm Văn H1** giao nộp: 02 file video được trích xuất từ camera an ninh **cửa hàng M1** ghi lại diễn biến sự việc. Cơ quan điều tra đã cho **L** quan sát 02 file video trên, kết quả **L** xác định có hình ảnh **L** và hình ảnh ông **K**. Trong video thứ nhất là **L** giả vờ đến mua xe máy; video thứ hai là **L** giả vờ đi thử chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 150i rồi chiếm đoạt.

Kết quả xác định hiện trường, **L** và anh **H1** xác định vị trí để chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH 150i, màu sơn trắng-bạc-đen là trong nhà **số B, đường N**; vị trí anh **H1** giao xe cho **L** là tại vỉa hè.

Cơ quan điều tra khám xét phòng trọ của **L** đã thu giữ: 01 giấy vay tiền đề ngày 30/12/2023; 01 mũ lưỡi trai màu trắng, trên mũ có chữ “ASIAN TRAVEL” màu xanh. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của **Phùng Văn K1** trên giấy vay tiền đã thu giữ. Kết luận giám định số 563 ngày 18/3/2024 của **Phòng K3 Công an tỉnh B** kết luận: “Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A- trừ chữ ký, chữ viết mang tên **Ng Văn H6** dưới mục “Bên liên quan”) so với chữ ký, chữ viết của **Phùng Văn K1** trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M5) *là do cùng một người ký, viết ra.*”

Bản cáo trạng số 89/CT-VKS ngày 16/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đã truy tố bị cáo **Hoàng Đức L** về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự; tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo **Hoàng Đức L**, xác định đủ căn cứ chứng minh bị cáo **L** đã phạm các tội: Trộm cắp tài sản; Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo như nội dung cáo trạng đã truy tố, đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung. Xử phạt bị cáo **Hoàng Đức L** từ 03 (ba) năm tù đến 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung. Xử phạt bị cáo **Hoàng Đức L** từ 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù đến 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung. Xử phạt bị cáo **Hoàng Đức L** từ 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt chung cả ba tội bị cáo phải chấp hành từ 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù đến 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2024.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, buộc **Hoàng Đức L** phải bồi thường cho anh **Phạm Văn H1** số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng); bồi thường cho chị **Hà Thúy H** số tiền 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng).

Đối với ông **Thân Văn Đ**, chị **Hoàng Tú A1** không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Đề nghị căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu 01 điện thoại của bị cáo sung Ngân sách nhà nước.

Tịch thu giấy tờ xe mô tô giả lưu hồ sơ vụ án.

Tịch thu tiêu hủy các tài sản, vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội không có giá trị sử dụng.

Về án phí: Căn cứ điều 21, điểm a khoản 1 điều 23, điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo **Hoàng Đức L** đã khai nhận về các hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng đã nêu. Bị cáo xác nhận bản cáo trạng truy tố hành vi của bị cáo là đúng, không oan sai. Nay bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo làm là sai, vi phạm pháp luật. Bị cáo không bào chữa, không tranh luận gì. Bị cáo nhất trí bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của anh **H1** và chị **H**. Bị cáo xin Hội đồng xét xử (viết tắt là: HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

Bị hại anh **Phạm Văn H1** đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật, yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản theo đúng như kết quả định giá tài sản, không tranh luận gì.

Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại gì. HĐXX đánh giá các hành vi, quyết định của cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của bị hại Hà Thúy H, Nguyễn Tú A và những người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. HĐXX thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với những người tham gia tố tụng nêu trên, tuy nhiên tại phiên tòa những người trên đều vắng mặt, không có lý do. Xét quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành các hoạt động tố tụng, lấy lời khai của những người tham gia tố tụng trên nên sự vắng mặt không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án, HĐXX căn cứ điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3]. Về hành vi của bị cáo Hoàng Đức L:

Lời khai của bị cáo Hoàng Đức L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra như kết quả khám nghiệm hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra, kết quả nhận dạng và các kết luận giám định đối với hình ảnh camera an ninh, kết quả định giá tài sản, kết quả giám định chữ ký, chữ viết của phòng giám định kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, có căn cứ xác định bị cáo Hoàng Đức L đã thực hiện các hành vi sau:

Khoảng 11 giờ 30 ngày 01/10/2023, trước cửa hàng Đ3 ở địa chỉ số A, đường N, thành phố B, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản trong việc trông coi, quản lý tài sản, Hoàng Đức L đã có hành vi lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển số 98B3 – 927.14 là tài sản thuộc sở hữu của chị Hà Thúy H. Trị giá tài sản L chiếm đoạt được định giá là 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng).

Sau khi lấy được tài sản trên, L đã đặt mua trên mạng Facebook 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy giá số 98006631 mang tên Nguyễn Tiến H3 do công an huyện S cấp ngày 15/7/2023 có số khung, số máy trùng khớp với xe với giá 600.000 đồng và một biển số 98L1-112.79 với giá 200.000 đồng. Ngày 10/10/2023 L đã nhận được giấy tờ và biển số giả trên, do trong giấy chứng nhận không ghi năm sinh nên L yêu cầu làm lại. Ngày 12/10/2023, L nhận được đăng ký xe mô tô giả ghi đầy đủ thông tin như yêu cầu. L đã lắp biển số xe 98L1-112.79 vào xe SH Mode đã trộm cắp. Ngày 16/10/2023, L đi xe trên đến cửa hàng của anh Trần Văn N cầm cố xe mô tô trộm cắp, để lại xe và giấy tờ giả có ghi đầy đủ thông tin và lấy số tiền 35.000.000 đồng. Sau đó anh N đã bán xe và giao giấy tờ trên cho người mua là người anh N không quen biết nên cơ quan điều tra không thu hồi được xe mô tô L trộm cắp, giấy tờ L đã giao cho anh N. Đối với giấy đăng ký xe mô tô giả còn lại L để ở nhà và đã bị cơ quan điều tra thu giữ, kết luận giám định

số 192 ngày 22/01/2024 của phòng K3 công an tỉnh B đã xác định giấy tờ trên là giả.

Ngày 20/12/2023 tại trước cửa nhà số G, đường Q, phường T, thành phố B, Hoàng Đức L tiếp tục có hành vi trộm cắp một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 98B3-000.61 của chị Nguyễn Tú A. Sau khi lấy được xe L đã đem đến cầm cố cho anh Phạm Minh T ở tổ dân phố M, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang lấy số tiền 3.600.000 đồng. Tài sản trên được định giá 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Ngày 28/12/2023, Hoàng Đức L đã mua 5 tập tiền âm phủ ghi mệnh giá 500.000 đồng rồi cho vào hai bì thư, lấy dây chun buộc bên ngoài rồi cất vào túi xách đeo bên người, mục đích sử dụng để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau đó, L đi xuống thành phố B gặp ông Tạ Quang K là người lái xe ôm, L thuê ông K chở lên thành phố B. Trên đường đi L nói dối đi mua xe mô tô và nhờ ông K đóng giả bố của L, nếu ông K trả giá xe được rẻ hơn giá bán của cửa hàng thì L trả tiền công 500.000 đồng. Do không biết mục đích lừa đảo của L nên ông K đồng ý. L và ông K đến cửa hàng M1 ở số B, đường N, thành phố B, L đã vào chọn mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH 150i màu sơn trắng bạc đen, biển số 60B-659.61 và xin đi thử xe thì được chủ cửa hàng đồng ý. L đưa túi đựng tiền âm phủ cho ông K và bảo “bố cầm cho con cái túi”, khiến anh H1 tin tưởng ông K là bố của L và trong túi có tiền nên giao xe cho L đi thử một mình. Sau đó, L đã điều khiển xe đi về hướng đường Xương Giang rồi chiếm đoạt chiếc xe trên. L đã mang xe cầm cố cho ông Thân Đức P1 ở xã N, huyện T lấy 20.000.000 đồng. Ngày 02/01/2024, L chuộc lại xe rồi mang bán cho một người không quen biết ở thành phố B được 27.500.000 đồng. Trị giá xe mô tô Honda SH 150i màu sơn trắng - bạc - đen L chiếm đoạt của anh H1 được định giá là 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là sai, nhưng vẫn thực hiện, lỗi của bị cáo là cố ý. Với hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda SH mode biển số 98B3-927.14, trị giá 62.000.000 đồng của chị Hà Thúy H và lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 98B3 – 000.61, trị giá 9.000.000 đồng của chị Nguyễn Tú A, các hành vi này của bị cáo Hoàng Đức L đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đủ căn cứ cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c, khoản 2 điều 173 của Bộ luật hình sự. Đối việc L có hành vi, thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt xe mô tô Honda SH 150i, biển số 60B3- 59.61, trị giá 75.000.000 đồng tại cửa hàng của anh Phạm Văn H1 sau đó bán đi. Hành vi này của L cũng đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của anh H1, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 Bộ luật hình sự “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng. Đối với hành vi sử dụng giấy tờ xe mô tô, xe gắn máy giả của bị cáo như đã nêu trên, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước trong quản lý, sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 điều 341 Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân

thành phố Bắc Giang đã truy tố bị cáo về các tội danh, điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” theo điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự đối với hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải và đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ tính chất, mức độ từng hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, HĐXX thấy, hành vi của bị cáo **L** là nguy hiểm cho xã hội, trong một thời gian ngắn bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, một lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và còn có hành vi sử dụng giấy tờ giả, do đó cần áp dụng hình phạt nghiêm, tương ứng với từng hành vi phạm tội, buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng và đề răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Khi lượng hình, HĐXX có xem xét thái độ ăn năn, hối cải của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt.

Bị cáo phạm nhiều tội nên HĐXX căn cứ điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt chung.

[5]. Về hình phạt bổ sung:

Đối với các hành vi bị cáo đã vi phạm, theo quy định của Bộ luật hình sự, ngoài hình phạt chính còn có quy định về việc áp dụng về hình phạt bổ sung, tuy nhiên xét thấy bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp, thu nhập, nên HĐXX quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Đối với chị **Nguyễn Tú A** là bị hại đã nhận tài sản không yêu cầu bồi thường, anh **Phạm Minh T** là người nhận tài sản cầm cố đã bị thu lại tài sản trả cho bị hại, anh **T** không yêu cầu bị cáo bồi thường, do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với bị hại chị **Hà Thúy H** và anh **Phạm Văn H1** đã bị **L** chiếm đoạt tài sản, cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản, **L** cũng chưa bồi thường. Chị **H**, anh **H1** có yêu cầu bị cáo bồi thường theo trị giá tài sản đã được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định, HĐXX căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo **L** phải bồi thường cho chị **Hà Thúy H** số tiền 62.000.000 (sáu mươi hai triệu) đồng và bồi thường cho anh **Phạm Văn H1** số tiền 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với biển số xe 98B3-927.14 trả lại cho chị **Hà Thúy H.**

Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 98006631 mang tên **Nguyễn Tiến H3** do **công an huyện S**, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 15/7/2023 cho xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển số 98L1-112.79 là giấy tờ giả, là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, do cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không lưu hồ sơ, đã có quyết định chuyển vật chứng cho cơ quan thi hành án dân sự xử lý, do đó HĐXX tuyên tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

Đối với các vật chứng gồm: 01 túi bằng vải màu đen mặt trước có chữ YATEHU, bên trong có 5 tập giấy in hình tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng Ngân hàng địa phủ; 01 mũ lưỡi trai màu trắng, trên mũ có chữ ASIAN TRAVEL màu xanh của bị cáo, là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI Mate 20Pro, vỏ màu xanh tím than, lắp sim số 0967 118 659, bị cáo khai sử dụng để đặt mua giấy tờ giả, liên lạc liên quan đến hành vi phạm tội, tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[8]. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án như anh **Trần Văn N**, anh **Phạm Minh T**, anh **Thân Văn Đ**, ông **Thân Đức P1** đã nhận cầm cố xe do bị cáo trộm cắp, chiếm đoạt mà có tuy nhiên đều không biết nguồn gốc tài sản, các anh **Nguyễn Văn H5**, **Phùng Đức K2** giúp **L** mang xe đi cầm cố, ông **Trương Quang V2**, anh **Trương Văn Đ2** cho **L** mượn tiền chuộc xe, ông **Tạ Quang K** đóng giả làm bố **L** để đi mua xe, quá trình điều tra không có căn cứ xác định những người trên biết được **L** có hành vi trộm cắp tài sản, hoặc có hành vi đồng phạm với **L** trong việc trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, làm, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, do đó cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định không có căn cứ xử lý, HĐXX xét thấy là đúng pháp luật.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điều 21, điểm a khoản 1 điều 23, điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

[10]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[11]. HĐXX quyết định tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật, mức hình phạt:

- Căn cứ các điều: Điều 106; Điều 135, Điều 136; Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, điểm a khoản 1 điều 23, điều

26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; Các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ điểm c khoản 2 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Đức L** 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Đức L** 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Đức L** 07 (bảy) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- **Căn cứ điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung:** Tổng hợp hình phạt chung cả ba tội bị cáo **Hoàng Đức L** phải chấp hành là 06 (sáu) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2024.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Hoàng Đức L** phải bồi thường cho anh **Phạm Văn H1** số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng); bồi thường cho chị **Hà Thúy H** số tiền 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng).

Đối với ông **Thân Văn Đ**, chị **Hoàng Tú A1** không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho chị **Hà Thúy H** biển số xe 98B3-927.14

Tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy giả số 98006631 mang tên **Nguyễn Tiến H3** do **công an huyện S**, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 15/7/2023 đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode, biển số 98L1-112.79.

Tịch thu tiêu hủy: 01 túi bằng vải màu đen mặt trước có chữ YATEHU, bên trong có 5 tập giấy in hình tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng Ngân hàng địa phủ; 01 mũ lưỡi trai màu trắng, trên mũ có chữ ASIAN TRAVEL màu xanh;

Tịch thu sung Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI Mate 20Pro, vỏ màu xanh tím than, lắp sim số 0967 118 659 của **Hoàng Đức L**.

4. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.850.000 (sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang
- TAND, VKSND Tỉnh Bắc Giang
- VKSND TP Bắc Giang
- THADS TP Bắc Giang
- Công an TP Bắc Giang
- Bị cáo; Những người TGTT;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

